

BẢN CÔNG KHAI TÀI CHÍNH NẤU ĂN

1.	Tổng số học sinh của trường	381	Học sinh				
2.	Số học sinh cắt cơm	5	Học sinh				
3.	Số học sinh ăn sáng:	376	Học sinh	Tiền ăn:	7.000 đồng	=	2.632.000 đồng
5.	Số học sinh ăn trưa:	376	Học sinh	Tiền ăn:	23.000 đồng	=	8.648.000 đồng
6.	Số học sinh ăn tối:	376	Học sinh	Tiền ăn:	23.000 đồng	=	8.648.000 đồng
8.	Tiền thu:	19.928.000	đồng		53.000		
9.	Tiền chi lương thực, thực phẩm trong ngày:	19.928.000	đồng				
10.	Tiền thiếu:				0 đồng		

Đơn vị thực hiện :

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1	Gạo	Kg	124,08	0	0	
2	Dầu ăn	Lít	20,0	50.000	1.000.000	
3	Nước mắm	Lít	2,0	13.800	27.600	
4	Mỳ chính	Kg	2,0	55.000	110.000	
5	Bột canh	Kg	2,0	20.000	40.000	
6	Muối trắng	Kg	2,0	7.000	14.000	

7	Nước rửa bát	Lít	6,8	38.000	258.400	
8	Nước lau nhà	Lít	7,2	30.000	216.000	
9	Gas đun bếp	Kg	25,0	36.000	900.000	
10	Gạo nếp(nấu cháo)	Kg	6,0	25.000	150.000	
11	Thịt lợn rang	Kg	54,0	120.000	6.480.000	
12	Giá đỗ (xào thịt)	Kg	45,5	17.000	773.500	
13	Thịt xay (ăn cháo+ xào giá+ xào khoai tây+canh bí)	Kg	16,0	120.000	1.920.000	
14	Bí đỏ (canh)	Kg	23,4	10.000	234.000	
15	Dưa hấu	Kg	28,0	20.000	560.000	
16	Thịt gà chiên	Kg	69,5	80.000	5.560.000	
17	Bột chiên	Kg	3,0	28.000	84.000	
18	Khoai tây xào thịt	Kg	44,5	17.000	756.500	
19	Cải ngọt (canh)	Kg	22,0	12.000	264.000	
20	Ồi	Kg	27,0	20.000	540.000	
21	Tỏi	Kg		40.000	-	
22	Hành lá	Kg	1,0	40.000	40.000	
					19.928.000	

Yên Châu, ngày ...15...tháng...01...năm 2026....

BỘ PHẬN NHÀ BẾP



Lò Thị Hương

THANH TRA NHÂN DÂN



Hoàng Thái Bình

BỘ PHẬN KẾ TOÁN



Tạ Hải Yến

ĐẠI DIỆN NHÀ TRƯỜNG



Lưu Văn Khải

KẾ TOÁN CÔNG TY



Nguyễn Thị Như Vân

ĐẠI DIỆN CÔNG TY



Nguyễn Văn Hải

